

Bài trắc nghiệm Tiếng Anh lớp 3 - PHẦN 1: HÌNH THỨC CHỨNG TỪ GHI SỐ VÀ SỐ SÁCH LIÊN

Câu 1 Căn cứ để ghi số Nhật ký chung (NKC) là gì?

- A. Sổ cái
- B. Chứng từ
- C. Bảng cân đối số phát sinh
- D. Báo cáo tài chính

Câu 2 Sổ Nhật ký thu tiền (thuộc NK đặc biệt) căn cứ để ghi số hoặc liên quan đến chứng từ nào?

- A. Phiếu chi và Giấy báo nợ (GBN)
- B. Phiếu thu và Giấy báo có (GBC)
- C. Hóa đơn GTGT mua hàng
- D. Phiếu nhập kho

Câu 3 Mẫu số của Phiếu nhập kho (PNK) là gì?

- A. 01 - TT
- B. 02 - TT
- C. 01 - VT
- D. 02 - VT

Câu 4 Báo cáo tình hình tài chính (mẫu B01 - DN) dùng để thay thế cho báo cáo nào theo Thông tư 200 trước đây?

- A. Bảng cân đối kế toán
- B. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- C. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- D. Thuyết minh BCTC

Câu 5 Theo tài liệu, chứng từ ghi sổ ghi Nợ tài khoản 111 tương ứng với chứng từ gốc nào?

- A. Phiếu chi
- B. Phiếu thu
- C. Giấy báo có (GBC)
- D. Giấy báo nợ (GBN)

Câu 6 Chứng từ ghi sổ ghi Có tài khoản 111 tương ứng với chứng từ gốc nào?

- A. Phiếu chi
- B. Phiếu thu
- C. Giấy báo có
- D. Hóa đơn GTGT

Câu 7 Chứng từ ghi sổ ghi Nợ tài khoản 112 liên quan đến chứng từ gốc nào dưới đây?

- A. Phiếu chi
- B. Giấy báo nợ (GBN)
- C. Giấy báo có (GBC)
- D. Phiếu thu

Câu 8 Căn cứ để ghi Sổ cái của Tài khoản 111 bao gồm những gì?

- A. Sổ cái TK 111 của kỳ trước và Chứng từ ghi sổ liên quan ghi Nợ TK 111, ghi Có TK 111
- B. Chỉ dùng Phiếu thu và Phiếu chi
- C. Nhật ký chung và Thẻ kho
- D. Bảng cân đối phát sinh

Câu 9 Căn cứ để ghi Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ là gì?

- A. Chỉ các chứng từ gốc
- B. Tất cả các chứng từ ghi sổ (CTGS)
- C. Sổ cái các tài khoản cấp 1
- D. Báo cáo tài chính

Câu 10 Nghiệp vụ "Thu tiền mặt, chi tiền mặt" sử dụng những chứng từ gốc nào?

- A. Phiếu thu, giấy đề nghị thu tiền, bảng kê thu tiền
- B. Ủy nhiệm chi, giấy báo nợ
- C. Hóa đơn GTGT và hợp đồng kinh tế
- D. Phiếu nhập kho, biên bản kiểm nghiệm

Câu 11 Nghiệp vụ "Mua hàng" sử dụng chứng từ gốc nào?

- A. Phiếu xuất kho và giấy đề nghị xuất kho
- B. Hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT (đầu vào)
- C. Bảng chấm công và bảng thanh toán lương
- D. Giấy đề nghị tạm ứng

Câu 12 Nghiệp vụ "Nhập kho NVL, CCDC, HH" sử dụng các chứng từ nào?

- A. Phiếu nhập kho, biên bản kiểm nghiệm (VT, CC, SP, HH)
- B. Phiếu xuất kho, giấy đề nghị xuất kho
- C. Quyết định nhượng bán TSCĐ
- D. Hợp đồng thương mại và vận đơn

Câu 13 Nghiệp vụ "Tạm ứng" bao gồm những chứng từ nào theo tài liệu?

- A. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- B. Bảng thanh toán tiền lương
- C. Giấy đề nghị tạm ứng và Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- D. Biên bản bàn giao TSCĐ

Câu 14 Khi phát sinh nghiệp vụ "Tính lương, tách bảo hiểm", chứng từ bắt buộc phải có là gì?

- A. Hóa đơn GTGT
- B. Phiếu xuất kho
- C. Bảng chấm công (và bảng thanh toán tiền lương toàn DN, kèm xác nhận hoàn thành nếu có hướng dẫn của BDSX)
- D. Tờ khai hải quan

Câu 15 Khi phát sinh nghiệp vụ "Thu tiền gửi ngân hàng", chứng từ gốc đi kèm là gì?

- A. Giấy báo có, bản sao kê ngân hàng
- B. Giấy báo nợ và ủy nhiệm chi
- C. Phiếu thu và phiếu chi
- D. Hóa đơn GTGT

Câu 16 Nghiệp vụ "Chi tiền gửi ngân hàng (trả có kỳ hạn)" sử dụng chứng từ nào?

- A. Giấy báo có
- B. Ủy nhiệm chi, giấy báo nợ
- C. Phiếu xuất kho
- D. Tờ khai hải quan

Câu 17 Nghiệp vụ "Xuất kho NVL, CCDC, HH" cần có chứng từ gì?

- A. Phiếu nhập kho và biên bản kiểm nghiệm
- B. Phiếu xuất kho, giấy đề nghị xuất kho
- C. Hóa đơn GTGT đầu vào
- D. Bảng chấm công

Câu 18 Nghiệp vụ "Bán hàng" liên quan đến loại hóa đơn nào?

- A. Hóa đơn GTGT đầu vào
- B. Hóa đơn GTGT đầu ra
- C. Phiếu nhập kho
- D. Giấy đề nghị tạm ứng

Câu 19 Khi có nghiệp vụ "Nhập khẩu VTHH hoặc TSCĐ", tài liệu liệt kê những chứng từ nào?

- A. Hợp đồng thương mại, hóa đơn thương mại, vận đơn, tờ khai hải quan, biên bản nhận TSCĐ, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước/sách nhà nê
- B. Chỉ cần Phiếu nhập kho và Hóa đơn GTGT
- C. Phiếu chi và Giấy báo nợ
- D. Bảng thanh toán lương

Câu 20 Nghiệp vụ "Nhượng bán TSCĐ" gồm những chứng từ nào?

- A. Quyết định nhượng bán TSCĐ, hợp đồng nhượng bán, biên bản nhượng bán, hóa đơn GTGT
- B. Giấy đề nghị tạm ứng và phiếu thu
- C. Bảng chấm công và hợp đồng kinh tế
- D. Phiếu xuất kho và thẻ kho

Câu 21 Nghiệp vụ "Trích khấu hao TSCĐ" sử dụng các chứng từ gì?

- A. Hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận TSCĐ
- B. Phiếu nhập kho và phiếu xuất kho
- C. Giấy báo có và giấy báo nợ
- D. Quyết định nhượng bán

Câu 22 Nghiệp vụ "Góp vốn" sử dụng chứng từ nào? Nếu góp bằng TSCĐ thì cần thêm gì?

- A. Quyết định góp vốn, biên bản góp vốn; nếu góp bằng TSCĐ thì có biên bản giao nhận TSCĐ
- B. Hóa đơn GTGT và tờ khai hải quan
- C. Phiếu chi và giấy báo nợ
- D. Bảng thanh toán lương

Câu 23 Sổ Nhật ký thu tiền (trong NK đặc biệt) liên quan đến chứng từ nào?

- A. Phiếu chi, GBN
- B. Phiếu thu, GBC
- C. Hóa đơn GTGT mua hàng
- D. Phiếu xuất kho

Câu 24 Sổ Nhật ký mua hàng căn cứ ghi nhận là chứng từ gì?

- A. Phiếu nhập kho
- B. Hóa đơn GTGT mua hàng
- C. Sổ cái tài khoản 331
- D. Phiếu chi

Câu 25 Căn cứ ghi sổ chi tiết thanh toán với người bán (TK 331) gồm những gì?

- A. Hóa đơn GTGT của quá trình mua hàng, Phiếu chi, Giấy báo nợ (GBN)
- B. Hóa đơn GTGT bán hàng, Phiếu thu, Giấy báo có
- C. Thẻ kho và Phiếu nhập kho
- D. Sổ cái và Sổ NKC

Câu 26 Căn cứ lập Sổ tổng hợp NVL, CCDC, sản phẩm, hàng hóa (SP, HH) là gì?

- A. Thẻ kho của kỳ trước
- B. Là sổ chi tiết của NVL, CCDC, SP, HH
- C. Bảng cân đối tài khoản
- D. Hóa đơn GTGT đầu ra

Câu 27 Theo Thông tư mới có hiệu lực từ ngày 1/1/2026, hệ thống Báo cáo tài chính gồm mấy loại báo cáo chính?

- A. 3 loại
- B. 4 loại
- C. 5 loại
- D. 6 loại

Câu 28 Báo cáo tình hình tài chính (mẫu B01 - DN) dùng để thay thế cho báo cáo nào theo Thông tư 200 trước đây?

- A. Bảng cân đối kế toán
- B. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- C. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- D. Thuyết minh báo cáo tài chính

Câu 29 Ký hiệu mẫu của Thuyết minh Báo cáo tài chính là gì?

A. B01 - DN

B. B02 - DN

C. B03 - DN

D. B09 - DN

Câu 30 Sổ Nhật ký chi tiền (trong NK đặc biệt) liên quan đến chứng từ nào?

A. Phiếu thu và GBC

B. Phiếu chi và Giấy báo nợ (GBN)

C. Hóa đơn GTGT mua hàng

D. Thẻ kho

Câu 31 Căn cứ ghi sổ chi tiết thanh toán với người mua (TK 131) gồm những gì?

A. Hóa đơn GTGT của quá trình bán hàng, Phiếu thu, Giấy báo có (GBC)

B. Hóa đơn GTGT mua hàng, Phiếu chi, GBN

C. Thẻ kho và Phiếu xuất kho

D. Bảng tổng hợp thanh toán

Câu 32 Căn cứ ghi sổ chi tiết tài khoản nguyên vật liệu (NVL) gồm:

A. Sổ chi tiết NVL của kỳ trước, Phiếu nhập kho (PNK), Phiếu xuất kho (P XK)

B. Sổ cái tài khoản 111 và 112

C. Hóa đơn GTGT và GBC

D. Bảng cân đối phát sinh

Câu 33 Căn cứ để ghi Thẻ kho bao gồm những gì?

- A. Thẻ kho của kỳ trước, Phiếu nhập kho (PNK), Phiếu xuất kho (PXK)
- B. Sổ cái và Sổ NKC
- C. Hóa đơn GTGT đầu vào và đầu ra
- D. Bảng tổng hợp thanh toán

Câu 34 Mẫu số của Phiếu xuất kho (PXK) theo tài liệu là gì?

- A. 01 - VT
- B. 02 - VT
- C. 01 - TT
- D. 02 - TT

Câu 35 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ lần lượt có ký hiệu mẫu là gì?

- A. B01 - DN và B02 - DN
- B. B02 - DN và B03 - DN
- C. B03 - DN và B09 - DN
- D. B02 - DN và B09 - DN

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?



Quét QR hoặc truy cập: diemdanh.app/tao-bai-trac-ngiem

diemdanh.app